

Số: 05/2023/QĐST- DS

Quỳnh Phụ, ngày 30 tháng 6 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 22 tháng 6 năm 2023 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 05/2023/TLST- DS ngày 16 tháng 01 năm 2023.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện, nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn:

- Bà Đào Thị H, sinh năm 1971

Địa chỉ: Thôn Ph, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình

* *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà H:* Ông Lê Chí Diên-
Trợ giúp viên pháp lý, thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thái Bình

- Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1996

Địa chỉ: Thôn V, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

* *Người ủy quyền của chị T:* Bà Đào Thị H, sinh năm 1971

Địa chỉ: Thôn Ph, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn T1, sinh năm 1992

Địa chỉ: Khu dân cư Đ, thôn L, xã A, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Chị Nguyễn Thị Dương H, sinh năm 2000

Địa chỉ: Thôn Ph, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Bà Đào Thị H, sinh năm 1971 và ông Nguyễn Văn Viễn, sinh ngày 01/01/1967 đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A vào năm 2001. Sau đó bà H và ông V ly hôn theo Bản án số 33/2014/HNGĐ – ST ngày 30/6/2014, Quyết định của bản án nêu trên đã giải quyết về hôn nhân: Bà Đào Thị H ly hôn ông Nguyễn Văn V; Về con chung: Bà H và ông V có 02 con chung là

Nguyễn Thị T, sinh năm 1996 và Nguyễn Thị Dương H, sinh năm 2000 và giao cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng (T, H); về tài sản chung chưa giải quyết. Các đương sự cùng tự nguyện thống nhất trong thời kỳ hôn nhân bà H và ông V có tài sản chung là:

- Thửa đất số 09; tờ bản đồ số 13; Diện tích 738,6 m²; Đất ở tại nông thôn: 360,0m²; đất trồng cây lâu năm 378,6 m². Ủy ban nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 25/12/2013. Gắn liền với thửa đất là Nhà mái bằng 01 tầng: 55.9m²; Nhà bếp lợp Broximang: 34.5m²; Nhà tắm, bể nước: 7,9m²; 01 sân bê tông 124,9 m², nhà lợp ngói 15,7 m²; khu nhà chăn nuôi 3,5 m², các loại cây trong vườn tại Khu dân cư Đ, thôn L, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình. Di sản thừa kế của ông V là 1/2 thửa đất nêu trên và 1/2 giá trị tài sản gắn liền với đất. Các đương sự thống nhất chỉ định giá Nhà mái bằng 01 tầng: 55.9m²; các công trình còn lại giá trị không đáng kể, không yêu cầu định giá, chia vào phần của ai thì người đó được hưởng.

- Thửa đất số 08; tờ bản đồ số 13; Diện tích 234,7 m²; Loại đất ao; (Thửa đất này chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất). Địa chỉ: Khu dân cư Đ, thôn L, xã A, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình. Di sản thừa kế của ông V là 1/2 thửa đất nêu trên;

- Thửa đất số 145, tờ bản đồ 02; Diện tích là 839,7m² (Loại đất chuyên trồng lúa nước) đã được Ủy ban nhân dân huyện Quỳnh Phụ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 05/11/2012. Địa chỉ: Đ, thôn Đ, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình (Bà H, anh T1, chị T, chị H không yêu cầu Tòa án phân chia)

Bà H và ông V có 02 con chung là chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1996 và chị Nguyễn Thị Dương H, sinh năm 2000;

Ông V có 01 con riêng là anh Nguyễn Văn T1, sinh năm 1992. Bố, mẹ ông V đều đã chết. Ngày 18/11/2016 ông V chết không để lại di chúc, bố, mẹ ông V đều đã chết, ông V, bà H không có con nuôi, con riêng nào khác;

Hàng thừa kế thứ nhất nhất theo pháp luật của ông V gồm: anh Nguyễn Văn T1, sinh năm 1992, chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1996, chị Nguyễn Thị Dương H, sinh năm 2000;

Bà H, ông D, anh T1, chị T, chị H cùng tự nguyện và thống nhất như sau:

Đất ở nông thôn 360 m² trị giá: 180.000.000 đồng

Đất trồng cây lâu năm là 378,6m² trị giá: 17.037.000 đồng

Đất ao là 234,7 m² trị giá 9.857.400 đồng;

Nhà mái bằng 55,9m² trị giá: 50.000.000 đồng

Tổng giá trị tài sản chung của bà H và ông V là: **256.894.400 đồng** và Di sản thừa kế của ông V trị giá: **129.447.200 đồng**.

- Nguyên đơn, bị đơn; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan tự nguyện

thống nhất chia tài sản chung và di sản thừa kế của ông V theo pháp luật và nhận bằng hiện vật chia cho hàng thừa kế thứ nhất gồm: anh T1, chị T, chị H;

- Chị T, chị H tự nguyện, thống nhất nhường lại kỹ phần thừa kế được chia theo hiện vật là quyền sử dụng đất và giá trị tài sản gắn liền với đất của (chị T, chị H) được nhận từ ông Nguyễn Văn Viễn cho bà H và không yêu cầu bà H phải thanh toán giá trị chênh lệch.

Cụ thể như sau:

Bà Đào Thị H được quyền quản lý và sử dụng diện tích là 576, 6m² (300m² đất ở; 276.6m² đất trồng cây lâu năm). Gắn liền với thửa đất là Nhà mái bằng 01 tầng: 55.9m²; Nhà bếp lợp Broximang: 34.5m²; Nhà tắm, bể nước: 7,9m² trong Thửa đất số 09; tờ bản đồ số 13; Diện tích 738,6 m²; Đất ở tại nông thôn: 360,0m²; đất trồng cây lâu năm 378,6 m². Ủy ban nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 25/12/2013. Địa chỉ: Khu dân cư Đ, thôn L, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình (có sơ đồ thửa đất kèm theo) cụ thể;

Phía Đông từ: 11- 11* giáp thửa đất anh T1 được chia;

Phía Tây từ: 6 -7 -8 - 9 - 10 giáp thửa đất ao bà Đào Thị H được chia;

Phía Nam từ: 6 - 5 - 11* giáp hộ bà Phạm Thị Xuân M;

Phía Bắc từ: 10 - 11 giáp đường giao thông;

Bà Đào Thị H được quyền quản lý và sử dụng Thửa đất số 08; tờ bản đồ số 13; Diện tích 234,7 m²; Loại đất ao. Địa chỉ: Khu dân cư Đ, thôn L, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình có sơ đồ thửa đất kèm theo; cụ thể như sau:

Phía Đông từ: 10 - 9- 8 giáp thửa đất bà Đào Thị H được chia;

Phía Tây từ: 15- 16 - 17; giáp hộ ông Nguyễn Văn Q;

Phía Nam từ: 7 -12 - 13 -14 -15 giáp hộ ông Nguyễn Văn Q;

Phía Bắc từ: 10 - 18 giáp đường giao thông;

Anh Nguyễn Văn T1 được quản lý và sử dụng diện tích là **162.0m²** (60m² đất ở; 102m² đất trồng cây lâu năm) trong Thửa đất số 09; tờ bản đồ số 13; Diện tích 738,6 m²; Đất ở tại nông thôn: 360,0m²; đất trồng cây lâu năm 378,6 m². Ủy ban nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 25/12/2013 có sơ đồ thửa đất kèm theo; cụ thể như sau:

Phía Đông từ: 1-2-3- 4 giáp Hộ giáo Đồng Ấu;

Phía Tây từ: 11- 11* giáp thửa đất bà Đào Thị H được chia;

Phía Nam từ: 4 – 11* giáp hộ bà Phạm Thị Xuân M;

Phía Bắc từ: 1- 11 giáp đường giao thông;

Bà Đào Thị H phải thanh toán cho anh Nguyễn Văn T1 giá trị chênh lệch về tài sản là **8.216.000 đồng**;

Chị Nguyễn Thị T và chị Nguyễn Thị Dương H nhất trí với ý kiến của Bà H. Chị T, chị H tự nguyện nhận kỹ phần thừa kế của ông V và tự nguyện

tặng cho bà H và không yêu cầu bà H phải thanh toán giá trị chênh lệch lại cho chị T, chị H.

Đối với các loại cây nếu thuộc đất của bà H, anh T1 thì người đó được hưởng không phải thanh toán giá trị cho nhau và tự nguyện tháo dỡ.

Đối với Thửa đất số 145, tờ bản đồ 02; Diện tích là 839,7m² (Loại đất chuyên trồng lúa nước) đã được Ủy ban nhân dân huyện Quỳnh Phụ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 05/11/2012. Địa chỉ: Đồng Dâu, khu dân cư Đồng Ấu, xã A, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình. Các đương sự (bà H, chị T, chị H, anh T1) không yêu cầu phân chia và giữ nguyên.

Về án phí: Anh Nguyễn Văn T1, chị Nguyễn Thị T, chị Nguyễn Thị Dương H mỗi người phải chịu 2.157.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo tỷ phần được chia. Bà H là hộ cận nghèo, có đơn xin miễn án phí được miễn án phí;

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

(kèm theo Quyết định là 01 sơ đồ thửa đất)

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Bình;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- VKSND huyện Quỳnh Phụ;
- Đương sự;
- Chi cục THADS huyện Quỳnh Phụ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Trần Huy Hoàng